

Số /UBND-GD

Triệu Sơn, ngày tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO

Công tác Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn huyện năm 2019, 2020

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Triệu Sơn trong những năm gần đây, thực hiện tốt Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục và Nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp, Huyện ủy, HĐND, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo và tạo mọi điều kiện cho ngành giáo dục huyện nhà phát triển. Vì thế chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên, chất lượng giáo dục mũi nhọn duy trì ổn định. Trong 8 năm gần đây (từ năm học 2012-2013), kết quả thi học sinh giỏi các môn văn hóa của huyện luôn xếp từ thứ 5 đến thứ 7 trong tỉnh. Công tác sắp xếp trường lớp được thực hiện theo đúng Quyết định số 5308/2015/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020. Công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý, tuyển dụng giáo viên, nhân viên mới kịp thời, đúng quy định nên hạn chế được việc thiếu giáo viên.

Thực trạng:

1. Quy mô mạng lưới trường lớp, học sinh

Quy mô trường lớp, số học sinh cấp MN, TH, THCS, gồm:

- TH&THCS 6 trường, THCS 29 trường, với 328 lớp, 10.778 học sinh
- Tiểu học 30 trường, với 544 lớp, 17.546 học sinh
- Mầm non có 36 trường, với 324 lớp, 10.170 học sinh

2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

- THCS: 704 người
- Tiểu học: 765 người
- Mầm non: 711 người

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Toàn huyện có 1240 phòng học, trong đó phòng học kiên cố và bán kiên cố 1235 phòng đạt tỉ lệ 99,6%, phòng học tạm 5 phòng đạt tỉ lệ 0,55%.

II. NỘI DUNG

1. Việc xây dựng, ban hành và triển khai các văn bản quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn của huyện.

Chỉ thị số 06-CT/HU của Ban chấp hành Đảng bộ huyện ngày 06/3/2016 về việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Nghị quyết số 05-NQ/HU của Ban chấp hành Đảng bộ huyện ngày 28/9/2020 ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Sơn lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025;

Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND ngày 25/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;

Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc ban hành Chương trình công tác năm 2021 của UBND huyện Triệu Sơn.

2. Công tác tổ chức, cán bộ trong ngành giáo dục Triệu Sơn: Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật viên chức và cán bộ quản lý ngành giáo dục huyện Triệu Sơn.

2.1. Việc bảo đảm biên chế công chức quản lý giáo dục, số lượng người làm việc theo đề án vị trí việc làm: Trong năm 2019 đã tuyển bổ sung 108 giáo viên mầm non nhưng hiện nay số giáo viên mầm non và tiểu học vẫn thiếu nhiều so với biên chế giao. Năm 2020 huyện đã có văn bản trình UBND tỉnh và UBND tỉnh đã có văn bản chấp thuận cho huyện Triệu Sơn tuyển tiếp 178 giáo viên mầm non và 127 giáo viên tiểu học và nhân viên hành chính thiếu so với biên chế tỉnh giao. Căn cứ số cán bộ, giáo viên nhân viên hiện có huyện đã bố trí, sắp xếp để các trường có đủ giáo viên đứng lớp ở mức tối thiểu.

2.2. Việc thực hiện quy trình thực hiện; tiêu chuẩn tuyển dụng, công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, hợp đồng lao động trong các cơ sở giáo dục công lập được thực hiện theo đúng lộ trình và quy định của Nhà nước và pháp luật.

2.3. Việc đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách đối với đội ngũ công chức, viên chức và người lao động: Công tác đánh giá cán bộ giáo viên hàng năm được đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp và xếp loại công chức, viên chức hàng năm công khai, minh bạch và chính xác. Công tác bồi dưỡng và thực hiện các chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động thực hiện tương đối tốt.

2.4. Việc bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp; nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên đối với giáo viên và cán bộ quản lý mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên thực hiện kịp thời và đúng quy định.

2.5. Công tác chế độ, chính sách, khen thưởng hàng năm được quan tâm kịp

thời như khen thưởng định kỳ, khen thưởng đột xuất cho giáo viên, học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia vào dịp 19/5 hàng năm. Công tác kỷ cương, nề nếp được thiết chặt nếu công chức, viên chức vi phạm sẽ được kỷ luật nghiêm theo quy định.

2.6. Việc cập nhật thông tin về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thuộc phạm vi quản lý vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục tốt.

3. Tài chính, cơ sở vật chất: Việc phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước cho giáo dục; việc thu, chi học phí, lệ phí và các khoản thu hợp pháp khác đối với các cơ sở giáo dục; việc đầu tư, mua sắm, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục.

3.1. Việc phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước cho giáo dục

- Việc chỉ đạo, tổ chức, triển khai công tác xây dựng dự toán thu, chi ngân sách sự nghiệp cho giáo dục đảm bảo đúng quy định. Hằng năm căn cứ quy mô trường, lớp, căn cứ biên chế được cấp có thẩm quyền giao Phòng Tài chính Kế hoạch phối hợp Phòng GD&ĐT xây dựng dự toán thu, chi ngân sách sự nghiệp cho giáo dục.

- Thực hiện giao dự toán cho các cơ sở giáo dục khi được cấp có thẩm quyền phân bổ theo năm ngân sách.

- Tỷ lệ chi thường xuyên giáo dục, đào tạo/tổng chi ngân sách địa phương đạt 45%; việc phân bổ kinh phí chi thường xuyên hàng năm cho các cơ sở giáo dục theo Quyết định giao dự toán của UBND huyện.

- Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập: Hằng năm Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015- 2016 đến năm học 2020- 2021; Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT- BGDĐT- BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Liên bộ GD&ĐT, Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính về việc quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật. Căn cứ Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để thực hiện 2 kỳ chi trả chế độ cho học sinh.

3.2. Việc thu, chi học phí, lệ phí và các khoản thu khác đối với các cơ sở giáo dục được thực hiện theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015- 2016 đến năm học 2020- 2021 và Dự toán giao hằng năm.

Việc tổ chức thực hiện của các cơ sở giáo dục công lập: Hằng năm căn cứ các quy định của nhà nước, hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong các cơ sở giáo dục. Phòng GD&ĐT tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện các khoản thu như:

- Các khoản thu theo quy định của nhà nước.
 - + Khoản thu bắt buộc theo Luật: BHYT học sinh
 - + Học phí:
 - Bậc học mầm non: 80.000đ/hs/tháng;
 - Bậc học THCS: 50.000đ/hs/tháng;
 - Giáo dục thường xuyên: 65.000đ/hs/tháng:
 - + Phí trông gửi xe đạp, xe máy: Xe đạp 15.000đ/hs/tháng; xe máy 30.000đ/hs/tháng.
 - + Tiền dạy thêm, học thêm
 - Tối đa không quá 15.000đ/buổi/hs (lớp từ 30 đến 45 hs)
 - Tối đa không quá 17.000đ/buổi/hs (lớp dưới 30 hs)
 - Các khoản thu của tổ chức, đoàn thể liên quan đến học sinh
 - + Quỹ đoàn, đội: Quỹ đoàn: 30.000đ/hs/năm, Quỹ đội: 25.000đ/hs/năm; học sinh miền núi 15.000đ/hs/năm
 - + Quỹ hội chữ thập đỏ: Bậc tiểu học: 10.000đ/hs/năm, Bậc THCS: 15.000đ/hs/năm, Trung tâm GDNN-GDTX: 20.000đ/hs/năm
 - + Quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh: Do cha mẹ hs thực hiện theo Thông tư 55/2011/TT-BGD ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.
 - Các khoản tài trợ của các tổ chức cá nhân: Thực hiện theo Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3/8/2018 của Bộ GD quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
 - Các khoản thu thỏa thuận phục vụ trực tiếp học sinh
 - + Tiền công phục vụ bán trú: Mẫu giáo: 50.000đ/cháu/tháng
 - + Tiền trông trẻ ngoài giờ: 30.000đ/cháu/tháng
 - + Tiền ăn bán trú: 17.000đ/cháu/ngày
 - + Tiền nước uống hàng ngày (nước lọc tinh khiết): 5.000đ/hs/tháng
- 3.3. Việc đầu tư, mua sắm, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục.
- Hằng năm căn cứ quy mô trường, lớp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phòng Tài chính Kế hoạch phối hợp phòng GD&ĐT xây dựng dự toán đầu tư, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho giáo dục.
 - Việc phân cấp về quản lý tài chính, đầu tư: Hằng năm trên cơ sở dự toán được UBND tỉnh giao, căn cứ kế hoạch phát triển giáo dục hằng năm để UBND huyện thực hiện đầu tư.

- Việc lập dự toán, giao dự toán, thực hiện dự toán, lập: Căn cứ các quy định hiện hành Phòng GD&ĐT phối hợp Phòng Tài chính lập, giao dự toán hằng năm.

3.4. Việc thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với người học được thực hiện căn cứ theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 2/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015- 2016 đến năm học 2020- 2021; Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để thực hiện.

- Việc lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí chi trả cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập (biểu đính kèm).

- Việc bố trí ngân sách địa phương cùng với nguồn hỗ trợ của ngân sách trung ương để thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho người học: Ngân sách địa phương đảm bảo 100%

4. Hoạt động giáo dục: Việc xây dựng, quy hoạch, phát triển mạng lưới trường, lớp, cơ sở giáo dục trên địa bàn; việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018; công tác cấp phát văn bằng chứng chỉ.

4.1. Việc xây dựng, quy hoạch, phát triển mạng lưới trường, lớp, cơ sở giáo dục trên địa bàn

Huyện đã thực hiện quy hoạch mạng lưới giáo dục trên địa bàn; sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập theo đúng lộ trình tại Quyết định số 5308/2015/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020. Sáp nhập được 4 trường tiểu học thành 2 trường và 6 trường tiểu học với 6 trường THCS thành 6 trường TH&THCS, sáp nhập được 2 trường THCS Minh Dân và THCS Thị Trấn thành trường THCS Triệu Thị Trinh phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương

4.2. Việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018

UBND huyện chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo Triệu Sơn thực hiện tốt các nội dung:

- Triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo đúng các văn bản chỉ đạo và kế hoạch tổ chức thực hiện của Bộ, Sở.

- Chỉ đạo và tổ chức cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên tham gia đầy đủ các đợt tập huấn theo quy định.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa lớp 1 đúng quy định.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thực hiện dạy-học lớp 1 năm học 2019-2020 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đúng quy định.

- Chỉ đạo các trường chuẩn bị các điều kiện để tổ chức lựa chọn SGK cho năm học 2021-2022 theo đúng lộ trình, kế hoạch của UBND tỉnh.

- Tiếp tục tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng theo kế hoạch của Bộ, Sở.

- Công tác phối hợp: Trong thời gian qua, Ngành Giáo dục và Đào tạo Triệu Sơn đã thực hiện tốt việc phối hợp với các cơ quan và tổ chức liên quan trên địa bàn để tổ chức có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018, phối hợp nghiêm túc với các Viện nghiên cứu, các trường Đại học để đảm bảo cho cán bộ quản lý và giáo viên của huyện được tham gia bồi dưỡng, tập huấn có hiệu quả; phối hợp với các Nhà xuất bản để thực hiện việc lựa chọn Sách giáo khoa đúng quy định.

4.3. Công tác quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ

Công tác quản lý, thực hiện cấp phát văn bằng chứng chỉ thực hiện theo đúng quy định.

4.4. Thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ huy động học sinh ra lớp đạt tỉ lệ đề ra. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia được quan tâm cả huyện đạt tỷ lệ 85%, công tác xây dựng xã hội học tập tại địa phương thực hiện tốt.

5. Công tác Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo; việc xử lý vi phạm về giáo dục thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện theo quy định của pháp luật trên địa bàn.

5.1. Công tác Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo

- Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về giáo dục tại địa phương theo quy định.

- Thanh tra, kiểm tra về thu, chi học phí, lệ phí và các khoản thu hợp pháp khác đối với các trường được thực hiện kiểm tra thường xuyên và nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời. Về việc thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục kịp thời và đúng quy định.

- Về xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh:

Việc xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về giáo dục từng năm (có biểu kèm theo).

5.2. Việc xử lý vi phạm về giáo dục thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện thực hiện đúng quy định của pháp luật trong thời gian qua có 2 Hiệu trưởng bị miễn nhiệm chức vụ Hiệu trưởng do vi phạm kỷ luật.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Quy mô trường lớp ổn định, tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu đề ra, toàn huyện đã đạt được 89%.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên tương đối ổn định, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, tâm huyết với nghề.

- Chất lượng giáo dục mũi nhọn và đại trà của huyện trong những năm qua luôn đứng trong top 10 của tỉnh.

2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

- Số giáo viên các môn văn hóa tiểu học còn thiếu nhiều ảnh hưởng không nhỏ đến việc dạy chương trình giáo dục phổ thông mới và dạy 2 buổi/ngày. Nguyên nhân là không có nguồn giáo viên để tuyển dụng.

- Kinh phí chi cho việc bổ sung CSVN và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho chương trình thay sách giáo khoa mới còn hạn chế do kinh phí địa phương còn hạn hẹp.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Đề nghị có quy định rõ về số người, vị trí việc làm và chế độ phụ cấp đối với số cán bộ công chức, viên chức công tác tại Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Cần sớm ban hành chính sách thu hút những học sinh có năng lực tốt vào học tại các trường Sư phạm, tạo nguồn nhân lực chất lượng cho ngành giáo dục, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của đất nước trong thời kỳ hội nhập.

2. Với UBND tỉnh

- Đề nghị UBND tỉnh giao biên chế cán bộ, giáo viên, nhân viên còn thiếu cho các huyện theo đúng quy định tại Quyết định 3185/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

- Đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho các nhà trường để phục vụ tốt cho việc dạy và học cũng như xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; trường tiên tiến kiểu mẫu.

- Đề nghị UBND tỉnh có cơ chế hỗ trợ chế độ cho cô nuôi và nhân viên y tế trong các trường mầm non công lập và có cơ chế hỗ trợ cho các trường, nhóm trẻ mầm non tư thục để giảm tải cho các trường mầm non công lập.

3. Với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Cấp đủ và kịp thời thiết bị dạy học để đáp ứng được chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để báo cáo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính